

BÀN VỀ BIỆN PHÁP BẢO HỘ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ ĐỐI VỚI TRI THỨC TRUYỀN THỐNG BÀI THUỐC CỔ TRUYỀN TẠI VIỆT NAM

NGUYỄN VĂN PHÚC*

ĐỖ THỊ DIỆN**

Ngày nhận bài: 22/09/2020

Ngày phản biện: 10/10/2020

Ngày đăng bài: 31/12/2020

Tóm tắt:

Ngày nay, thế giới đang có xu hướng quay trở lại ứng dụng các tri thức truyền thống bài thuốc cổ truyền trong chăm sóc sức khỏe và phát triển kinh tế cộng đồng. Điều này dẫn đến một cuộc chiến pháp lý để xác định quyền sở hữu đối với bài thuốc cổ truyền một cách gay gắt giữa các quốc gia. Tại Việt Nam, việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với tri thức truyền thống là các bài thuốc cổ truyền còn thiếu những quy định đặc thù. Thông qua bài viết, tác giả sẽ làm rõ các biện pháp bảo hộ và thực tiễn bảo hộ tri thức truyền thống đối với bài thuốc cổ truyền tại Việt Nam, qua đó đề xuất các giải pháp cho vấn đề nghiên cứu.

Từ khóa:

Bảo hộ, tri thức truyền thống, thuốc, cổ truyền.

Abstract:

Today, the world tends to return to the application of traditional knowledge of traditional remedies in health care and community economic development. This leads to a fierce legal battle to determine ownership of traditional remedies between countries. In Vietnam, the protection of intellectual property rights to traditional knowledge of traditional remedies lacks specific provisions. Through this article, the author will clarify the protective methods and the practice of protecting traditional knowledge of traditional remedies in Vietnam, thereby proposing solutions to the research problem.

Keywords:

Protection, traditional knowledge, medicine, tradition.

1. Khái quát về bảo hộ tri thức truyền thống đối với bài thuốc cổ truyền

1.1. Tiếp cận khái niệm tri thức truyền thống

Mặc dù đã được tiếp cận từ khá sớm nhưng cho đến nay thuật ngữ tri thức truyền thống vẫn chưa được định nghĩa một cách thống nhất. Tổ chức Sở hữu trí tuệ (SHTT) thế giới (WIPO) nghiên cứu từ năm 1978, ban đầu khái niệm chỉ giới hạn ở một loại tri thức truyền

* ThS., GV Khoa Luật, Trường Đại học Duy Tân, Đà Nẵng; Email: nguyenvanphuclaw@gmail.com

** ThS., GV Khoa Luật Dân sự, Trường Đại học Luật, Đại học Huế; Email: diendt@hul.edu.vn

thống là "các hình thức thể hiện văn hóa dân gian" (Expressions of Folklore), tuy nhiên, cách hiểu này còn khá hẹp và chưa toàn diện. Để thống nhất về cách dùng thuật ngữ, trong báo cáo của các cuộc khảo sát về SHTT và tri thức truyền thống (1998-1999), dưới góc độ SHTT, WIPO đã mở rộng thuật ngữ "tri thức truyền thống là các sản phẩm văn học, nghệ thuật hoặc khoa học dựa trên truyền thống..."¹.

Cũng có cách tiếp cận tương tự, vào năm 2011 tại Hội nghị đa dạng về sinh học (Convention on Biological Diversity) thuộc Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên hợp quốc (UNESCO) tri thức truyền thống được hiểu đó là những "Kiến thức được phát triển từ kinh nghiệm, ... kiến thức truyền thống trong các lĩnh vực như nông nghiệp, ngư nghiệp, y tế, làm vườn, quản lý lâm nghiệp và môi trường nói chung"².

Tại Việt Nam, khái niệm tri thức truyền thống mới chỉ được hiểu giới hạn ở lĩnh vực văn học, nghệ thuật dân gian. Nhưng trên thế giới, khái niệm này mở rộng ra cả lĩnh vực khoa học, kỹ thuật, y học cổ truyền, phương pháp chữa bệnh... Từ những cách tiếp cận trên, có thể khái quát "Tri thức truyền thống là hệ thống tri thức mà người dân ở một cộng đồng nắm giữ và phát triển đa dạng trên các lĩnh vực văn hóa, khoa học, kỹ thuật. Dựa trên kinh nghiệm truyền thống được lưu truyền qua các thế hệ và có sự thay đổi để thích nghi với các môi trường văn hóa, xã hội, tạo nên một phần bản sắc văn hóa và tinh thần của một cộng đồng dân tộc".

1.2. Nhu cầu bảo hộ tri thức truyền thống đối với bài thuốc cổ truyền

Bài thuốc cổ truyền là một bộ phận chính của y học cổ truyền được sử dụng từ hàng ngàn năm nay. Những bài thuốc cổ truyền mang bản chất của tri thức truyền thống với sự phối kết hợp các dược liệu có nguồn gốc tự nhiên, dựa trên y học cổ truyền và kinh nghiệm dân gian, bằng việc sử dụng trực tiếp hoặc kết hợp với các phương pháp chữa trị truyền thống khác nhằm chữa trị, chăm sóc sức khỏe cho người bệnh. Một nhu cầu đặt ra hiện nay đó là việc xây dựng và ban hành một cơ chế pháp lý về sở hữu trí tuệ đặc thù để bảo hộ cho đối tượng bài thuốc cổ truyền, xuất phát từ những cơ sở thực tế sau:

Thứ nhất, tri thức truyền thống đối với bài thuốc cổ truyền đang dần bị mai một và có khả năng bị thất truyền. Xuất phát từ bản chất các bài thuốc cổ truyền được tồn tại và lưu truyền trong cộng đồng, gia đình thông qua hình thức truyền miệng nên rất nhiều bài thuốc cổ truyền đang có khả năng bị thất truyền do nhiều nguyên nhân khác nhau như: Không có người kế thừa, không có tài liệu ghi chép với sự xuất hiện nhiều dị bản khác nhau và nguồn dược liệu ngày càng khan hiếm.

¹ WIPO (2001), "Report on Fact-finding Missions on Intellectual Property and Traditional Knowledge (1998 - 1999)", https://www.wipo.int/edocs/pubdocs/en/tk/768/wipo_pub_768.pdf. Truy cập ngày 20/8/2020.

² Convention on Biological Diversity (2011), "Traditional Knowledge and the Convention on Biological Diversity", <https://www.cbd.int/traditional/intro.shtml>. Truy cập ngày 18/8/2020.

Thứ hai, việc bảo hộ tri thức truyền thống đối với bài thuốc cổ truyền giúp phát triển kinh tế. Thị trường dược phẩm toàn cầu có giá trị 1,2 nghìn tỷ USD vào năm 2018 và ước tính đến năm 2023 sẽ đạt giá trị 1,5 nghìn tỷ, tại Việt Nam quy mô thị trường trong năm 2019 đạt giá trị 7,3 tỷ USD³. Giá trị của dược phẩm trong nước và trên thế giới rất lớn, nhưng khả năng đáp ứng thị trường này vẫn còn rất khiêm tốn trong khi chúng ta đang có kho tàng tri thức truyền thống các bài thuốc cổ truyền các dân tộc chưa phát triển hiệu quả.

Thứ ba, các tri thức truyền thống bài thuốc cổ truyền đang trở thành đối tượng bị thương mại hóa trái phép. Một thực tế hiện nay đang diễn ra đó là việc các tập đoàn dược phẩm lớn trên thế giới đang tận dụng cơ chế bảo hộ lỏng lẻo tại các quốc gia có nền tri thức lâu đời để phát triển và đăng ký các sáng chế dược phẩm bài thuốc cổ truyền. Điều này sẽ làm tăng giá thuốc từ 12 - 200%, từ đó sẽ ảnh hưởng đến sự tiếp cận y tế ở những quốc gia này, dẫn đến sự mất cân bằng trong việc chia sẻ quyền lợi giữa cộng đồng nắm giữ tri thức với chủ thể trực tiếp thương mại hóa bài thuốc cổ truyền⁴.

Tóm lại, giá trị của việc bảo hộ tri thức truyền thống đối với bài thuốc cổ truyền về mặt y học và kinh tế là không thể phủ nhận. Tuy nhiên, cần có một hệ thống pháp lý về sở hữu trí tuệ trong phạm vi quốc gia và quốc tế cụ thể để bảo hộ và cân bằng quyền lợi giữa các chủ thể phát sinh trong việc sử dụng, lưu giữ và thương mại hóa bài thuốc cổ truyền.

2. Các biện pháp bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với tri thức truyền thống bài thuốc cổ truyền theo pháp luật Việt Nam

Việc bảo hộ đối tượng bài thuốc cổ truyền tại Việt Nam hiện nay đều dựa vào những quy định bảo hộ chung nhất cho các đối tượng của Luật SHTT. Tồn tại dưới các hình thức bảo hộ sau:

Thứ nhất, bảo hộ thông qua quyền tác giả.

Tại Việt Nam, pháp luật về bảo hộ tri thức truyền thống tiếp cận ban đầu dưới góc độ quyền tác giả như tác phẩm văn học, nghệ thuật dân gian với những sáng tạo tập thể trên nền tảng truyền thống của một nhóm hoặc các cá nhân. Ngoài ra, có thể được xem xét mở rộng bảo hộ quyền tác giả theo quy định tại điều 14.1.a. Luật SHTT năm 2005, sửa đổi bổ sung năm 2009 và 2019 “*Tác phẩm văn học, khoa học, sách giáo khoa, giáo trình và tác phẩm khác được thể hiện dưới dạng chữ viết hoặc ký tự khác*”. Ví dụ như bộ sách *Hải Thượng Y tông Tâm lĩnh* của danh y Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác gồm 66 quyển được viết vào năm 1770 bằng chữ Hán tập hợp hơn 305 vị thuốc nam và 2.854 phương thuốc kinh nghiệm được lưu lại, có ý nghĩa rất lớn cho nền y học cổ truyền dân tộc.

³ Xem: BrandsVietNam (2018), “*Ngành dược phẩm hấp dẫn nhà đầu tư ngoại*”, <https://www.brandsvietnam.com/17830>, (truy cập ngày 25/08/2020).

⁴ Xem: United Nations (2001), “*Secret ary-General proposes global fund for the fight against HIV/AIDS and other infectious diseases at African leaders summit*”, <https://www.un.org/press/en/2001/SGSM7779R1.doc.htm>. (truy cập ngày 10/09/2020).

Tuy nhiên, vấn đề đặt ra đối với bảo hộ quyền tác giả cho bài thuốc cổ truyền hiện nay đó là việc cân bằng lợi ích giữa các chủ thể: (i) Cá nhân/gia đình/cộng đồng nắm giữ tri thức; (ii) Nhà khoa học nghiên cứu; (iii) Nhà đầu tư kinh phí cho việc nghiên cứu, đối với những kết quả nghiên cứu bài thuốc cổ truyền tồn tại dưới dạng báo cáo khoa học (tác phẩm khoa học).

Thứ hai, bảo hộ thông qua việc cấp bằng độc quyền sáng chế.

Thông tư số 01/2007/TT-BKHHCN về Hướng dẫn thi hành Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật SHTT về sở hữu công nghiệp có quy định tại Điều 23 về việc bổ sung nội dung đối với đơn đăng ký sáng chế liên quan đến nguồn gen hoặc tri thức truyền thống. Đây là văn bản đầu tiên, trực tiếp quy định tri thức truyền thống thuộc đối tượng bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, kể cả các bài thuốc cổ truyền. Tuy nhiên, kể từ khi Thông tư số 01/2007/TT-BKHHCN được ban hành và qua bốn lần sửa đổi, hiện tại là Thông tư số 16/2016/TT-BKHHCN chỉ quy định bổ sung đơn đăng ký sáng chế cho đối tượng tri thức truyền thống nhưng không quy định cụ thể về các điều kiện để một sáng chế tri thức truyền thống được cấp. Điều này có thể được hiểu các bài thuốc cổ truyền phải thỏa mãn các điều kiện chung nhất để được cấp bằng bảo hộ bao gồm: tính mới, trình độ sáng tạo và khả năng áp dụng công nghiệp.

Trong các điều kiện để bảo hộ sáng chế là các bài thuốc cổ truyền tại Việt Nam, “*tính mới*” của sáng chế được xem là một trong những tiêu chí khó thỏa mãn nhất, bởi theo quy định tại Điều 60 Luật SHTT năm 2005, sửa đổi bổ sung năm 2009 và 2019 “*Sáng chế được coi là có tính mới nếu chưa bị bộc lộ công khai dưới hình thức sử dụng, mô tả bằng văn bản hoặc bất kỳ hình thức nào khác ở trong nước hoặc ở nước ngoài...*”. Theo cách hiểu này, phạm vi tính mới của một sáng chế được mở rộng ra không chỉ trong nước mà còn ở cả nước ngoài, những sáng chế đã được bộc lộ công khai dù dưới hình thức nào cũng đều được xem là không thỏa mãn điều kiện về tính mới và không có khả năng được bảo hộ. Trong khi đó, các bài thuốc cổ truyền tại Việt Nam đa số đều được bộc lộ phổ biến dưới hình thức sử dụng và lưu truyền trong dân gian, cộng đồng và gia đình nên khó thỏa mãn điều kiện để được cấp bằng độc quyền sáng chế.

Tuy nhiên, so sánh với pháp luật sáng chế một số quốc gia như Hoa Kỳ thì sáng chế chỉ được xem là “mất tính mới” khi nó được bộc lộ công khai trong một ấn phẩm ở nước ngoài, còn việc sử dụng hoặc biết đến rộng rãi ở nước ngoài thì không được đề cập⁵. Điều này có thể lý giải cho việc các bài thuốc cổ truyền tại Việt Nam có thể bị từ chối bảo hộ tại Việt Nam nhưng lại trở thành đối tượng sáng chế được bảo hộ và thương mại hóa bất hợp pháp tại Hoa Kỳ, điều đã từng xảy ra với bài thuốc từ củ nghệ và cây neem của Ấn Độ⁶.

⁵ Xem: United States Patent Act, Chapter 35 of the U.S. Code § 102 - Conditions for patentability.

⁶ Xem: Ramesh Menon, “Traditional knowledge receives a boost”, <http://indiatogether.org/tkdl-economy>. Truy cập ngày 10/09/2020.

Thứ ba, bảo hộ thông qua việc đăng ký nhãn hiệu.

Các bài thuốc cổ truyền tại Việt Nam được đưa ra thương mại hóa bởi các cá nhân tổ chức, có thể bảo hộ dưới danh nghĩa nhãn hiệu, nếu nhãn hiệu đó thỏa mãn hai điều kiện quy định tại Điều 72 Luật Sở hữu trí tuệ 2005, sửa đổi bổ sung 2009 và 2019: Dấu hiệu nhìn thấy được và có khả năng phân biệt bài thuốc cổ truyền của chủ sở hữu nhãn hiệu với bài thuốc cổ truyền của chủ thể khác. Ví dụ: Bài thuốc tắm cổ truyền của người Dao đỏ đến từ Sapa đã được đăng ký và bảo hộ nhãn hiệu “Dao`Spa” (số bằng 4-0114012-000), ngày 17/11/2008 do Cục SHTT cấp cho Công ty cổ phần Kinh doanh các sản phẩm bản địa Sapa⁷.

Hiện nay, việc bảo hộ nhãn hiệu bài thuốc cổ truyền còn đặt ra đối với nhãn hiệu là được phẩm được phát triển trên cơ sở các bài thuốc cổ truyền, nhãn hiệu này có những đặc điểm riêng so với nhãn hiệu trong các lĩnh vực khác. Những nhãn hiệu được phẩm hiện nay thường dùng các “tiền tố” (prefix) hay “hậu tố” (suffixes) mô tả đến các bộ phận, các bệnh, các khoa, các lĩnh vực liên quan đến công dụng của thuốc hay các chất chủ yếu tạo nên thuốc, những tiền tố hoặc hậu tố dạng này thông thường mang tính chất mô tả và là đối tượng có thể được sử dụng chung (tên generic). Ví dụ, nhãn hiệu “Broncholin” của Công ty Dược phẩm Sanofi được cấp cho các sản phẩm tương tự nhóm 5 là thuốc trị bệnh phổi và phế quản, ở đây tiền tố “Broncho” chỉ bộ phận cơ thể là phế quản mang tính mô tả không có khả năng phân biệt nên có thể được sử dụng chung⁸.

Ngoài các đối tượng bảo hộ trên, tri thức truyền thống đối với bài thuốc cổ truyền hiện nay còn được xem xét bảo hộ dưới các đối tượng khác như: chỉ dẫn địa lý; tên thương mại; bí mật kinh doanh; quyền đối với giống cây trồng hay quyền chống cạnh tranh không lành mạnh theo những quy định của Luật SHTT năm 2005, sửa đổi bổ sung năm 2009 và 2019. Tuy nhiên, điểm chung hiện nay của các đối tượng SHTT nêu trên còn thiếu những quy định riêng đặc thù và đề cập cụ thể đến đối tượng bảo hộ là các tri thức truyền thống nói chung và đối với bài thuốc cổ truyền nói riêng.

3. Thực tiễn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với tri thức truyền thống bài thuốc cổ truyền tại Việt Nam

Để đánh giá được thực tiễn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với tri thức truyền thống bài thuốc cổ truyền, tác giả tập trung phân tích và làm rõ thực tiễn đăng ký bảo hộ tại Cục Sở hữu trí tuệ đối với hai đối tượng sáng chế và nhãn hiệu.

⁷ Xem: Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam “*Thư viện số về sở hữu công nghiệp*”, <http://iplib.noip.gov.vn/WebUI/WDetail.php?intRecNum=1&HitListViewMode=Text&ref=>. Truy cập ngày 10/11/2020.

⁸ Xem: Văn phòng Luật sư Phạm và Liên Danh (2016), “*Một số lưu ý khi đánh giá tính tương tự của nhãn hiệu dược phẩm*”, <http://pham.com.vn/tin-tuc-su-kien-1/mot-so-luu-y-khi-danh-gia-tinh-tuong-tu-cua-nhan-hieu-duoc-pham.htm>. Truy cập ngày 10/09/2020.

3.1. Thực tiễn đăng ký bảo hộ sáng chế bài thuốc cổ truyền tại Việt Nam

Những sáng chế bài thuốc cổ truyền tại Việt Nam được cấp văn bằng bảo hộ theo phân loại sáng chế (IPC) thuộc phân lớp dược phẩm (A61K) tồn tại theo các nhóm: A61K35/70; A61K35/72; A61K35/78; A61K35/80; A61K35/82; A61K35/84; A61K36 có nguồn gốc y học cổ truyền. Để làm rõ hơn tình hình bảo hộ sáng chế bài thuốc cổ truyền, tác giả đã thống kê những sáng chế liên quan đến bài thuốc cổ truyền được cấp từ danh mục bằng sáng chế của Cục SHTT, từ tháng 1/2018 đến tháng 2/2020, cụ thể như sau:

Bảng 1. Tổng số văn bằng bảo hộ bài thuốc cổ truyền được cấp theo nguồn gốc người nộp đơn từ năm 2018 đến tháng 2/2020

Năm	Số paten bài thuốc cổ truyền được cấp theo nguồn gốc nộp đơn	
	Việt Nam	Nước ngoài
Năm 2018	2	1
Năm 2019	3	1
Tháng 2/2020	3	0

Nguồn: Tác giả thống kê từ danh mục bằng sáng chế của Cục SHTT công bố từ tháng 1/2018 đến tháng 2/2020.

Qua số liệu thống kê trên có thể nhận thấy tổng quan số lượng bằng sáng chế (patent) được cấp liên quan đến bài thuốc cổ truyền tại Việt Nam vẫn còn khá khiêm tốn với 10 bằng sáng chế từ năm 2018 đến nay và trong những kết quả nghiên cứu trước đó của PGS.TS. Trần Văn Hải giai đoạn từ năm 2000 đến 2012 chỉ có 44 đơn liên quan đến bài thuốc cổ truyền, trung bình mỗi năm có 3,3 sáng chế bài thuốc cổ truyền được nộp và số patent được cấp cho bài thuốc cổ truyền chỉ 21 patent, trung bình mỗi năm có 1,61 patent được cấp⁹. Điều này xuất phát từ nhiều nguyên nhân liên quan đến năng lực nghiên cứu và phát triển của các công ty dược phẩm tại Việt Nam và việc lựa chọn phổ biến hình thức cấp bằng độc quyền sáng chế dược phẩm sau khi phát triển các bài thuốc cổ truyền đến một giai đoạn nhất định trong phòng thí nghiệm.

Để làm rõ hơn thực tiễn và các điều kiện đăng ký bảo hộ sáng chế đối với bài thuốc cổ truyền, tác giả xin dẫn chứng sáng chế gần nhất được cấp patent số 1-0023239 ngày 25/2/2020 đối với “*Hỗn hợp thảo dược, thuốc đông y chứa hỗn hợp thảo dược này và quy trình bào chế thuốc đông y này*” chữa các bệnh về răng miệng và viêm xoang cấp cho Công ty TNHH Trường Minh Hoàng (Việt Nam) trên cơ sở sự kết hợp từ các loại dược liệu như tỳ giải, ngư tát,




⁹ Xem: Trần Văn Hải (2013), *Tính mới trong việc bảo hộ sáng chế đối với các bài thuốc cổ truyền của Việt Nam*, Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Luật học, tập 29, số 2 (2013), tr.7-15.

thăng ma, cổ phục linh, hoàng bá... Điểm đặc biệt của sáng chế xuất phát từ quy trình bào chế được liệu, thời gian điều trị ngắn và triệu chứng bệnh giảm nhanh vì vậy sáng chế này thỏa mãn điều kiện về tính mới, cũng như trình độ sáng tạo và khả năng áp dụng công nghiệp¹⁰.

Tuy nhiên, như đã phân tích ở phần pháp luật về bảo hộ sáng chế (mục 2) hiện nay có không ít sáng chế bị từ chối cấp văn bằng bảo hộ do không đáp ứng điều kiện về “tính mới” của sáng chế. Xin được viện dẫn trường hợp sáng chế bị từ chối cấp patent “*Thuốc đông y chữa đau thắt động mạch vành*” số 1-2006-01845 chủ đơn người Việt Nam là Nguyễn Đức Tào nộp vào năm 2006 và bị Cục SHTT từ chối vào năm 2010. Lý do bị từ chối không đảm bảo điều kiện về tính mới khi bài thuốc này đã được đề cập trong bài thuốc “*Gia vị ích tâm thang*” đăng trong sách “*Thiên gia diệu phương*” vào năm 1989 và sáng chế tương tự đã được Hoa Kỳ cấp patent US 2003/0152651 A1 vào năm 2002. Bên cạnh đó, sáng chế này còn không đảm bảo các điều kiện về trình độ sáng tạo khi người có hiểu biết trung bình về y học cổ truyền có thể kết hợp huyết kiệt với tam thất, băng phiến và đan sâm để thu được thuốc đông y chữa được các bệnh về mắt do đau thắt động mạch vành¹¹.

3.2. Thực tiễn đăng ký bảo hộ nhãn hiệu bài thuốc cổ truyền

Bảng 2. Một số nhãn hiệu liên quan đến bài thuốc cổ truyền đang được bảo hộ tại Cục Sở hữu trí tuệ

	Nhãn hiệu “ Dao'Spa ” bảo hộ cho chế phẩm dùng để tắm trị liệu y học. Số bằng: 4-0114012-000 ngày hết hạn 16/05/2027. Chủ sở hữu: Công ty cổ phần kinh doanh các sản phẩm bản địa Sapa.
	Nhãn hiệu “ Vua voi Ama Kông hình ” sản phẩm thuốc đông y, rượu thuốc. Số bằng: 4-0258631-000 ngày hết hạn 27/02/2029. Chủ sở hữu: Khăm Phết Lào.
	Nhãn hiệu “ Phong tê thấp Bà Giảng BG Co So San Xuat Thuoc Yhct, Hinh ” cho nhóm 05 Thuốc y học cổ truyền các loại. Số bằng: 4-0055215-000 ngày hết hạn 15/11/2022 Chủ sở hữu: Doanh nghiệp tư nhân sản xuất thuốc y học cổ truyền Bà Giảng

Nguồn: Thư viện số về sở hữu công nghiệp - Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam.

¹⁰ Xem: Cục Sở hữu trí tuệ (2020), Công báo sở hữu trí tuệ số 367 tập A năm 2018 và Danh mục bằng sáng chế cấp trong tháng 02/2020.

¹¹ Xem: Trần Văn Hải (2014), *Bàn về trình độ sáng tạo trong việc bảo hộ sáng chế đối với các bài thuốc cổ truyền của Việt Nam*, Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Luật học, tập 30, số 1, tr.62-72.

Việc đăng ký nhãn hiệu tại Việt Nam dựa theo bảng phân loại hàng hóa/dịch vụ Ni-xơ, theo đó bài thuốc cổ truyền thông thường được đăng ký bảo hộ thuộc nhóm 05 các chế phẩm dược, y tế và thú y như các chế phẩm trị liệu dùng để tắm; chế phẩm để tắm dùng cho mục đích y tế; thuốc sắc dùng cho dược phẩm. Bảng 2 là một số đơn đăng ký nhãn hiệu liên quan đến bài thuốc cổ truyền đang còn thời hạn bảo hộ tại Cục SHTT.

Thực tế hiện nay xuất hiện một số trường hợp đăng ký nhãn hiệu tại Cục SHTT sử dụng những dấu hiệu gây nhầm lẫn hoặc tương tự về nguồn gốc xuất xứ của các bài thuốc cổ truyền đã đăng ký nhằm thương mại hóa trái phép bài thuốc cổ truyền. Có thể lấy ví dụ đối với nhãn hiệu “Ama Kong” liên quan đến bài thuốc gia truyền tăng cường sinh lực, bổ thận tráng dương của “Vua” săn voi Ama Kong và được ông Khăm Phết Lào con trai và là người thừa kế hợp pháp của ông, đã nộp đơn đăng ký các nhãn hiệu liên quan cho sản phẩm này và được cấp văn bằng bảo hộ (số 4-0197749-000; 4-0258631-000; 4-0258632-000; 44-0258633-000; 4-0258861-000). Nhưng trong thời gian này xuất hiện một số công ty nộp các đơn đăng ký tương tự nhãn hiệu bài thuốc này như Công ty TNHH Dược phẩm Tây Nguyên, tại Đắk Lắk (nộp các đơn số 4-2007-23640; 4-2008-18257); Công ty TNHH Dược phẩm An Long, tại Thành phố Hồ Chí Minh (nộp đơn số 4-2008-14735). Ngày 24/6/2010, Cục Sở hữu trí tuệ đã ra công văn từ chối cấp văn bằng bảo hộ với lý do nhãn hiệu yêu cầu đã tương tự tới mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu AMAKONG¹².

Cần hiểu rằng, việc đăng ký bảo hộ nhãn hiệu các bài thuốc cổ truyền chỉ ngăn cấm các đối tượng khác sử dụng hình ảnh, từ ngữ hay biểu tượng lên các sản phẩm, về bản chất chỉ bảo hộ hình thức các sản phẩm tri thức truyền thống này. Nhưng trên thực tế, rất nhiều bài thuốc tắm của người Dao Đỏ được bán không nhãn mác tại Sapa hay những bài thuốc của vua săn voi “Ama Kong” được rao bán rất nhiều tại các quầy thuốc đông y nhưng không sử dụng nhãn hiệu này. Nguyên nhân của tình trạng này đó là việc thiếu một cơ chế bảo hộ toàn diện về hình thức kết hợp với nội dung như một cơ sở dữ liệu hay văn bằng sáng chế, cũng như thiếu một cơ chế thực thi quyền sở hữu trí tuệ hiệu quả.

4. Một số giải pháp cho vấn đề nghiên cứu

Dựa trên cơ sở những nhu cầu về pháp lý và thực tiễn bảo hộ các tri thức truyền thống bài thuốc cổ truyền tại Việt Nam hiện nay, tác giả xin được đề xuất một số giải pháp hoàn thiện các quy định pháp luật và các biện pháp bảo hộ mới cho đối tượng này như sau:

Thứ nhất, cần xem xét và bổ sung thêm quy định pháp luật về tri thức truyền thống. Đặc biệt nên đưa ra một khái niệm thống nhất về tri thức truyền thống, bổ sung vào phần giải thích thuật ngữ (Điều 4 Luật SHTT), có thể tiếp cận theo khái niệm tại Mục 1.1.

¹² Trần Văn Hải (2012), *Khai thác thương mại đối với tri thức truyền thống - Tiếp cận từ quyền sở hữu trí tuệ*, Tạp chí Hoạt động khoa học, số tháng 02/2012.

Thứ hai, bổ sung quy định thừa nhận cộng đồng nắm giữ tri thức là đồng tác giả của sáng chế. Cụ thể, tại khoản 1, Điều 122 Luật SHTT 2005 sửa đổi bổ sung 2009 và 2019 cần điều chỉnh lại theo hướng: “*Tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư cung cấp tư liệu là tri thức truyền thống do mình nắm giữ cho người khác tạo ra sáng chế chủ yếu dựa trên nguồn tri thức truyền thống đó thì có thể được thừa nhận là đồng tác giả của sáng chế đó*”. Hai chủ thể có thể được ghi nhận là đồng tác giả: chủ thể sáng tạo ban đầu (cộng đồng, cá nhân nắm giữ tri thức) và chủ thể phát triển sáng chế đó (nhà khoa học, nhà nghiên cứu) để tạo nên một sáng chế hoàn thiện.

Thứ ba, rà soát và cấp các chỉ dẫn thương mại liên quan đến tri thức truyền thống bài thuốc cổ truyền phù hợp với các sản phẩm gắn liền với cộng đồng bản địa. Việc cấp các chỉ dẫn thương mại như nhãn hiệu, tên thương mại, chỉ dẫn địa lý, kiểu dáng bao bì của các sản phẩm từ bài thuốc cổ truyền gắn liền với cộng đồng bản địa là căn cứ hỗ trợ cho việc giải quyết tranh chấp sau này như trường hợp đối với nhãn hiệu “Ama Kong”.

Thứ tư, xây dựng một hệ thống bảo hộ riêng (sui generis) cho các đối tượng của tri thức truyền thống song song với hệ thống Luật Sở hữu trí tuệ. Sui generis là sự kết hợp của sở hữu trí tuệ luật, luật tục, sự chia sẻ lợi ích, điều khoản và thỏa thuận hợp đồng, nhằm mục đích để bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ tập thể và kiến thức truyền thống của người bản địa trên những sáng tạo của họ, đã được áp dụng thành công tại các quốc gia như Nam Phi, Peru, Panama, Costa-Rica, Ấn Độ¹³.

Thứ năm, xây dựng cơ sở dữ liệu thư viện số về tri thức truyền thống y dược học cổ truyền tại Việt Nam theo mô hình Ấn Độ. Thư viện số tri thức truyền thống (Traditional Knowledge Digital Library - TKDL), được khởi xướng tại Ấn Độ vào năm 2001 chứa hơn 34 triệu trang thông tin định dạng trên 2.260.000 công thức các bài thuốc cổ truyền¹⁴. Việc xây dựng cơ sở dữ liệu tri thức truyền thống y dược học cổ truyền tại Việt Nam dựa trên mô hình của Ấn Độ có ý nghĩa rất lớn trong việc lưu trữ các bài thuốc, dược liệu cổ truyền và chống lại hành vi thương mại hóa trái phép đến từ các quốc gia phát triển. Ngoài ra, đây là công cụ hữu hiệu để phản đối trước và yêu cầu hủy việc cấp patent thiếu cơ sở từ các quốc gia phát triển, như trường hợp mà Ấn Độ đã vận dụng với patent được cấp liên quan đến công dụng của củ nghệ trong việc làm lành vết thương (no 5, 401.404).

Ngoài ra, cơ quan nhà nước cần có những chính sách bảo hộ và thực thi quyết liệt về quyền sở hữu trí tuệ, bảo tồn các nguồn gen dược liệu quý và đặc biệt là cần có sự khuyến khích, tuyên truyền người dân sử dụng y học cổ truyền trong khám chữa bệnh và bảo tồn các giá trị tri thức truyền thống của cộng đồng, dân tộc.

¹³ Xem J. Janewa OseiTutu (2011) “*Emerging Scholars Series: A Sui Generis Regime for Traditional Knowledge: The Cultural Divide in Intellectual Property Law*”, 15 MARQ. INTELLECTUAL PROPERTY L. REV. 147.

¹⁴ WIPO (2011) “*About the Traditional Knowledge Digital Library*”, https://www.wipo.int/meetings/en/2011/wipo_tkdl_del_11/about_tkdl.html, (truy cập ngày 20/2/2020).

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. BrandsVietnam (2018) “*Ngành dược phẩm hấp dẫn nhà đầu tư ngoại*”, <https://www.brandsvietnam.com/17830>. Truy cập ngày 25/08/2020.
2. Cục Sở hữu trí tuệ (2020), Công báo sở hữu trí tuệ, số 367 tập A năm 2018 và Danh mục bằng sáng chế cấp trong tháng 2/2020.
3. Trần Văn Hải (2012), *Khai thác thương mại đối với tri thức truyền thống - Tiếp cận từ quyền sở hữu trí tuệ*, Tạp chí Hoạt động khoa học, số tháng 02/2012.
4. Trần Văn Hải (2013), *Tính mới trong việc bảo hộ sáng chế đối với các bài thuốc cổ truyền của Việt Nam*, Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Luật học, tập 29, số 2, tr.7-15.
5. Trần Văn Hải (2014), *Bàn về trình độ sáng tạo trong việc bảo hộ sáng chế đối với các bài thuốc cổ truyền của Việt Nam*, Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Luật học, tập 30, số 1.
6. Convention on Biological Diversity (2011), “*Traditional Knowledge and the Convention on Biological Diversity*”, <https://www.cbd.int/traditional/intro.shtml>. Truy cập ngày 18/8/2020.
7. J. Janewa OseiTutu (2011) “*Emerging Scholars Series: A Sui Generis Regime for Traditional Knowledge: The Cultural Divide in Intellectual Property Law*”, 15 Marq. Intellectual property l. Rev. 147 .
8. Ramesh Menon (2020), “*Traditional knowledge receives a boost*”, <http://indiatogether.org/tkdl-economy>. Truy cập ngày 10/09/2020.
9. United States Patent Act, Chapter 35 of the U.S. Code § 102 - Conditions for patentability.
10. United Nations (2001), “*Secretary-General proposes global fund for the fight against HIV/AIDS and other infectious diseases at African leaders summit*”, <https://www.un.org/press/en/2001/SGSM7779R1.doc.htm>. Truy cập ngày 10/09/2020.
11. WIPO (2001), “*Report on Fact-finding Missions on Intellectual Property and Traditional Knowledge (1998-1999)*” <https://www.wipo.int/edocs/pubdocs/en/tk/768.pdf>. Truy cập ngày 10/09/2020.